Biểu mẫu 09

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của Trường THPT Hoàng Văn Thụ năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	**Lớp 11**	**Lớp 12**
I	**Điều kiện tuyển sinh**	- Học sinh tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 theo quy định của Sở GDĐT Hà Nội; Học sinh (hoặc bố, hoặc mẹ học sinh) có hộ khẩu thường trú tại Hà Nội. - Tham gia kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT do Sở GDĐT Hà Nội tổ chức và phải đạt điểm chuẩn vào trường.	- Học sinh đã hoàn thành chương trình học lớp 10, được lên lớp 11	- Học sinh đã hoàn thành chương trình học khối 11, được lên lớp 12
II	**Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện**	- Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT Hà Nội.		
III	**Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh**	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Ban đại diện CMHS hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện CMHS (ban hành theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GDĐT) và các quy định hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh trường, lớp và toàn thể CMHS họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định.		

		- Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. - Tích cực, chủ động học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.		
IV	**Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục**	- Học sinh là Đoàn viên, thanh niên, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. - Học sinh được tham gia các hội thi, cuộc thi về tìm hiểu pháp luật, văn hóa, văn nghệ, TDTT, giáo dục QP-AN; được tham gia các hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 26/3, 19/5,…). - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp).		
V	**Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được**	- Đạo đức học sinh : 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. - Học tập: Mọi học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. Phấn đấu trên 100% lên lớp thẳng. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, khám sức khoẻ định kỳ cho học sinh; có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xẩy ra tai nạn, dịch bệnh và các tệ nạn trong học sinh.		
VI	**Khả năng học tập tiếp tục của học sinh**	- Tỉ lệ lên lớp thẳng trên : 100%. - Duy trì nền nếp và sĩ số ổn định.	- Tỉ lệ lên lớp thẳng trên : 100%. - Duy trì nền nếp và sĩ số ổn định.	- 100% HS đủ điều kiện dự thi THPT QG - Tỉ lệ tốt nghiệp THPT trên : 100%.

				- Học sinh có đủ điều kiện cơ bản để theo học các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HOÀNG VĂN THỤ

Nguyễn Minh Phi

Biểu mẫu 09

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo lớp		
I	Điều kiện tuyển sinh	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo CT GD hiện hành	Theo CT GD hiện hành	Theo CT GD hiện hành
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối hợp và thái độ giáo dục, học tập tốt	Phối hợp và thái độ giáo dục, học tập tốt	Phối hợp và thái độ giáo dục, học tập tốt
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tốt	Tốt	Tốt
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Tốt	Tốt	Tốt
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HOÀNG VĂN THỤ

Nguyễn Minh Phi

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế

của Trường THPT Hoàng Văn Thụ học kỳ I năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**2025**	**712**	**670**	**643**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1856 (91.65%)	652 (91.57%)	596 (88.95%)	608 (94.56%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	159 (7.85 %)	54 (7.58%)	71 (10.6%)	34 (5.29%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	08 (0.4 %)	04 (0.56%)	03 (0.45%)	01 (0.16%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	02 (0.1 %)	02 (0.28%)		
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**2025**	**712**	**670**	**643**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	520 (25.68 %)	108 (15.17%)	136 (20.3%)	276 (42.92%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1178 (58.17 %)	464 (65.17%)	375 (55.97%)	339 (52.72%)

3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	305 (15.06 %)	132 (18.54%)	147 (21.94%)	26 (4.04%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	21 (1.04 %)	8 (1.12%)	12 (1.79%)	01 (0.16%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	01 (0.05%)			01 (0.16%)
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)				
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)				
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)				
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)				
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh**				

	giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**				
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	1020 nam/1005 nữ	360 nam/352 nữ	347 nam/ 323nữ	313nam/ 330 nữ
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	16	4	7	5

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HOÀNG VĂN THỤ

Nguyễn Minh Phi

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất

của Trường THPT Hoàng Văn Thụ năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**		Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	22	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	2	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	44/22	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45/1	-
III	**Số điểm trường**	01	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	14.490 m^2	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**		

VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	68 m^2	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	68 m^2	
3	Diện tích thư viện (m^2), truyền thống	98 m^2	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)		
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	34 m^2	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 12	7	
1.2	Khối lớp 11	7	
1.3	Khối lớp 10	7	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 12		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 10		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	…		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	50	2/1
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		
1	Ti vi		

2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	ổn áp		
6	Máy phát điện		
7	Đàn ghi ta		
8	Trống điện		
9	Máy ảnh		
10	Máy quay		
...	...		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	Không
XI	**Nhà ăn**	Không

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	Không		
XIII	**Khu nội trú**	Không		

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên		Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh
		Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*					
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	01/01				

*(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HOÀNG VĂN THỤ

Nguyễn Minh Phi

Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường THPT Hoàng Văn Thụ năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	15		5	10				13	2					
2	Văn	11		4	7				10	1					
3	Hóa	8		3	5				7	1					
4	Sinh học	5		5					5						
5	Tin học	4		3	1				4						
6	Thể dục	5			5				5						
7	KTCN	2			2				2						
8	GDCD	2		1	1				1	1					

9	Tiếng Anh	11		4	7				11							
10	Lý	8		3	5				7	1						
11	Sử	3		2	1				2	1						
12	Địa	4		2	2				3	1						
13	GDQP	1			1				1							
14	KTNN	1			1				1							
II	**Cán bộ quản lý**															
1	Hiệu trưởng	1		1					1							
2	Phó hiệu trưởng	2		2						2						
III	**Nhân viên**															
1	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1											
2	Nhân viên bảo vệ	4														
3	Kế Toán	1			1											
4	Thủ quỹ	0														

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HOÀNG VĂN THỤ

Nguyễn Minh Phi

Biểu A1.1

XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024
(Dành cho trường THPT công lập không có lớp chuyên)

Tên trường : THPT Hoàng Văn Thụ

Địa chỉ : 234 Lĩnh Nam – Hoàng Mai – Hà Nội . Điện thoại:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH giao năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	**Tổng số cán bộ, giáo viên, CNV** (có mặt 01/01/2022). *Chia ra* :	Người	99	99	97
	- Cán bộ quản lý	Người	3	4	3
	- Giáo viên	Người	85	86	85
	Trong đó: - Biên chế	Người	*85*	*86*	*85*
	- Hợp đồng	Người			
	- Công nhân viên	Người	11	9	9
	Trong đó: - Biên chế	Người	6	5	5
	- Hợp đồng	Người	5	4	4
2	**Tổng số lớp**	Lớp	**45**	**45**	**47**
	Chia ra: Lớp 10	*Lớp*	15	16	16
	Lớp 11	*Lớp*	15	15	16
	Lớp 12	*Lớp*	14	14	15
3	**Tổng số học sinh**	Học sinh	**1980**	**2026**	**2115**
	Chia ra: Lớp 10	*Học sinh*	675	712	720
	Lớp 11	*Học sinh*	675	670	720
	Lớp 12	*Học sinh*	630	644	675

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thúy

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HOÀNG VĂN THỤ

Nguyễn Minh Phi

Biểu A1.2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ

Tên trường : THPT Hoàng Văn Thụ

A. Tình hình cơ sở vật chất :

- Tổng diện tích đất: 14.490 m^2
- Tổng diện tích sử dụng: 14.490 m^2
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số:

1. Phòng học văn hóa:

Phòng học	Tổng số	*Chia ra*		
		Kiên cố	Cấp 4	Tạm
Phòng học văn hóa	22	22		

2. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm):

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn *(ghi rõ nội dung chưa đạt)*
1. Vật lý	01	68 m^2		
Phòng chuẩn bị				
2. Hóa học	01	68 m^2		
Phòng chuẩn bị				
3. Sinh học				
Phòng chuẩn bị				
4. Công nghệ				
Phòng chuẩn bị				
5. Ngoại ngữ				
6. Tin học	02	68 m^2		
Số máy vi tính	*50*			
7. Phòng đa năng				
8. Thư viện	01	90 m^2		
Số lượng sách, tài liệu tham khảo				
9. Nhà thể chất	01			
10. Phòng Y tế	01			

3. Nhà vệ sinh:

+ Nhà vệ sinh dành cho học sinh: Tổng số: 12 nhà

Trong đó: Đạt chuẩn ☐ Chưa đạt chuẩn ☐

+ Nhà vệ sinh cho giáo viên: Tổng số: 2 nhà

Trong đó: Đạt chuẩn ☐ Chưa đạt chuẩn ☐

B. Tình hình trang thiết bị:

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Đề nghị thay thế
1. Bàn ghế học sinh			
+ Loại 2 chỗ ngồi	528	528	
+ Loại 4 chỗ ngồi			
2. Bàn ghế giáo viên	22	22	
3. Bảng	22	22	
Trong đó: *Bảng thông minh*	0	0	
4. Máy vi tính	59	59	
Chia ra: *+ Dùng cho HS*	48	48	
+ Dùng cho Quản lý	11	11	
+ Kết nối Internet	59	59	
5. Số máy in	9	9	
6. Máy chiếu Projecter	24	24	
7. Máy photocopy			
8. Khác			

Hà Nội ngày 12 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thúy

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HOÀNG VĂN THỤ

Nguyễn Minh Phi